



Humane Farm Animal Care (HFAC)
Chăn Nuôi theo Tiêu Chí Nhân Đạo
Tiêu Chuẩn Chăn Nuôi
1/2018

HEO

CHĂN NUÔI THEO TIÊU CHUẨN NHÂN ĐẠO (Humane Farm Animal Care -HFAC)

Tổ chức HFAC với sứ mạng cải thiện chất lượng sống của động vật trang trại. Chất lượng sống của động vật trang trại được cải thiện bằng cách cung cấp cho chúng một số tiêu chuẩn sống, những tiêu chuẩn này có thể luôn được cập nhật, được qui đổi thành giá trị theo sản phẩm chúng tạo ra, được kiểm soát thường xuyên. Những hoạt động trong qui trình cấp chứng nhận tiêu chuẩn này nhằm cung cấp và đảm bảo cho người tiêu dùng rằng những sản phẩm động vật được chứng nhận là được nuôi theo tiêu chuẩn nhân đạo là hoàn toàn xác thực.

HFAC hoạt động dựa trên nền tảng kiến thức và kinh nghiệm của nhiều tổ chức Bảo Vệ Động Vật, Cá Nhân và Hiệp Hội.

HFAC đã và luôn phát triển. Chỉ những tiêu chuẩn được chấp thuận mới được sử dụng trong chương trình cấp “Chứng Nhận Chăn Nuôi Nhân Đạo” cho quá trình chăn nuôi, chăm sóc, vận chuyển và giết mổ heo. Những tiêu chuẩn áp dụng trong chương trình “Chứng Nhận Chăn Nuôi Nhân Đạo” được xây dựng từ kết quả nghiên cứu, tư vấn của ngành thú y, và kinh nghiệm thực tế đúc kết từ ngành chăn nuôi. Bảng tiêu chuẩn này được xây dựng trên nền tảng áp dụng hướng dẫn từ Hiệp hội Hoàng Gia Ngăn ngừa Ngược đãi Động vật (RSPCA), kết quả nghiên cứu khoa học hiện hành, một số tiêu chuẩn và hướng dẫn đang được công nhận và áp dụng trong thực tế chăn nuôi.

Phúc lợi vật nuôi được cải thiện khi các nhà chăn nuôi tuân thủ những điều sau:

- Đầy đủ về lượng và chất thức ăn chăn nuôi
- Môi trường chăn nuôi được thiết kế phù hợp
- Có kế hoạch quản lý chăn nuôi một cách trách nhiệm và quan tâm
- Có kỹ năng, kiến thức và đạo đức trong chăn nuôi
- Can thiệp trong quá trình chăn nuôi, vận chuyển và giết mổ

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC “CHĂN NUÔI theo TIÊU CHÍ NHÂN ĐẠO”

Dưới đây là danh sách những nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực Khoa Học Động Vật, Thú Y, nhà Chăn Nuôi đang cống hiến kiến thức và kinh nghiệm cho hoạt động của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC. Những kiến thức và kinh nghiệm luôn được cập nhật dựa trên những kết quả nghiên cứu mới nhất.

<i>Kenneth E. Anderson, PhD</i>	North Carolina State University, USA
<i>Michael Appleby, PhD</i>	World Animal Protection, USA
<i>Richard Blatchford, PhD</i>	University of California, Davis, USA
<i>Elisabetta Canali, PhD</i>	Università degli Studi, Milan, Italy
<i>Sylvie Cloutier, PhD</i>	Canadian Council on Animal Care, Ottawa, Canada
<i>Brenda Coe, PhD</i>	Pennsylvania State University, USA
<i>Caroline de Lima Francisco, PhD</i>	São Paulo State University, Botucatu, Brazil
<i>Hans Coetzee, PhD</i>	Iowa State University, USA
<i>Luiz Dematte, DVM, PhD</i>	Industrial Director of Korin Ltd, and General Coordinator of Mokiti Okada Foundation, Brazil
<i>Inma Estéves, PhD</i>	Research Professor, Neiker-Tecnalia University, Spain
<i>Anne Fanatico, PhD</i>	Appalachian State University, USA
<i>Valentina Ferrante, PhD</i>	University of Milan, Italy
<i>Trent Gilbery, MS</i>	North Dakota State University, USA
<i>Alan Goldberg, PhD</i>	The Johns Hopkins University, USA
<i>Temple Grandin, PhD</i>	Colorado State University, USA
<i>Thomas G. Hartsock, PhD</i>	University of Maryland, USA
<i>Jörg Hartung, DVM</i>	Institute of Animal Hygiene, Welfare and Farm Animal Behavior University of Veterinary Medicine, Hanover, Germany
<i>Brittany Howell, PhD</i>	Fort Hays State University, USA
<i>Pam Hullinger, DVM, MPVM</i>	Univ. of California Lawrence Livermore National Laboratory, USA
<i>Ellen Jongman, PhD</i>	University of Melbourne, Australia
<i>Maja Makagon, PhD</i>	University of California, Davis, USA
<i>Joy Mench, PhD</i>	University of California, Davis, USA
<i>Andre Mendes Jorge, PhD</i>	São Paulo State University, Botucatu, Brazil

<i>Suzanne Millman, PhD</i>	Iowa State University College of Veterinary Medicine, USA
<i>Malcolm Mitchell, PhD</i>	SRUC, Scotland's Rural College, Scotland
<i>Priya Motupalli, PhD</i>	IKEA Food Global Sustainable Sourcing Specialist, Sweden
<i>Ruth Newberry, PhD</i>	Associate Professor, Norwegian University of Life Sciences; Adjunct Professor, Washington State University, USA
<i>Abdullah Ozen, PhD</i>	Professor, Firat University, Elazig, Turkey
<i>Edmond Pajor, PhD</i>	University of Calgary, Alberta, Canada
<i>Jessica A. Pempek, PhD</i>	The Ohio State University College of Veterinary Medicine Columbus, Ohio, USA
<i>Jose Peralta, PhD, DVM</i>	Western University of Health Science, College of Veterinary Medicine, Pomona California, USA
<i>Rosangela Poletto, DVM, PhD</i>	Professor, Instituto Federal do Rio Grande do Sul, Brazil
<i>Allison Pullin, PhD</i>	North Carolina State University Raleigh, North Carolina, USA
<i>Martin Potter, PhD</i>	Animal Welfare Consultant, Member of FAWT, UK and Advising Member of EIG, UK
<i>Mohan Raj, PhD</i>	Honorary Visiting Fellow, School of Veterinary Sciences, Bristol University, Bristol, UK
<i>Jean-Loup Rault, PhD</i>	Institute of Animal Husbandry and Animal Welfare at Vetmeduni, Vienna, Austria
<i>Karen Schwean-Lardner, PhD</i>	University of Saskatchewan, Canada
<i>J.K. Shearer, PhD</i>	Iowa State University, USA
<i>Marilyn M. Simunich, DVM, Dip. ACVPM</i>	Director, Animal Health Laboratory, Division of Animal Industries, Idaho State Dept. of Agriculture, USA
<i>Carolyn Stull, PhD</i>	Chairman, Scientific Committee Univ. of California, Davis, USA
<i>Janice Swanson, PhD</i>	Michigan State University, USA
<i>William VanDresser, DVM</i>	Retired Extension Veterinarian, USA
<i>Andreia De Paula Vieira, DVM, PhD</i>	Animal Welfare Scientist, Universidade de São Paulo, Brazil
<i>Daniel M. Weary, PhD</i>	Professor and NSERC Industrial Research Chair, Animal Welfare Program, University of British Columbia, Canada
<i>Julia Wrathall, PhD</i>	Director, Farm Animals Division, RSPCA, West Sussex, UK
<i>Adroaldo Zanella, PhD</i>	Professor, Dept. Medicina Veterinária Preventiva e Saúde Animal / FMVZ Universidade de São Paulo, Pirassununga/SP, Brazil

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU.....	1
A. Nhãn hiệu Chăn Nuôi Nhân Đạo- Certified Humane.....	1
B. Hướng dẫn sử dụng tài liệu Tiêu Chuẩn Phúc Lợi	1
CHƯƠNG 2: THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ NƯỚC UỐNG.....	2
A. Thức Ăn Chăn Nuôi.....	2
FW 1: Phong phú và bổ dưỡng.....	2
FW 2: Tiếp cận thức ăn tự do	2
FW 3: Báo cáo Thức ăn chăn nuôi	2
FW 4: Chất cấm trong thức ăn chăn nuôi	2
FW 5: Thể trạng.....	2
FW 6: Tránh việc thay đổi khẩu phần ăn.....	3
FW 7: Chương trình cho ăn hạn chế.....	3
FW 8: Tránh việc heo đánh nhau vì giành thức ăn	3
FW 9: Thức ăn đầy đủ và dễ tiếp cận	3
FW 10: Trang thiết bị cho ăn.....	4
FW 11: Giữ kho thức ăn trong tình trạng chất lượng tối ưu.....	4
FW 12: Cai sữa	4
FW 13: Tập ăn	4
FW 14: Cho ăn đối với heo cai sữa	4
B. Nước uống.....	4
FW 15: Cung cấp nước uống.....	4
FW 16: Bổ sung thêm máng uống khi cho ăn lỏng hoặc khô.....	5
FW 17: Trang thiết bị cho uống.....	5
FW 18: Máng uống cho heo nái đang cho sữa	5
FW 19: Hệ thống cung cấp nước uống trong trường hợp khẩn cấp	5
CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI	6
A. Nhà trại	6
E 1: Chuồng trại có liên quan đến phúc lợi vật nuôi	6
E 2: Thiết kế chuồng trại	6
E 3: Ngăn ngừa tổn thương từ chuồng trại	6
E 4: Giới hạn việc sử dụng chất độc hại trong khu vực chuồng trại.....	6
E 5: Lắp đặt hệ thống điện.....	6
E 6: Vệ sinh và sát trùng.....	7
B. Môi trường nhiệt & Thông gió	7
E 7: Điều kiện nhiệt độ	7
E 8: Thông gió	7
E 9: Chất lượng không khí.....	7
E 10: Giảm stress nhiệt.....	8
C. Khu vực nằm/sàn chuồng.....	8
E 11: Khu vực nằm	8
E 12: Chuồng phối giống.....	8
D. Mật độ nuôi.....	8
E 13: Tổng diện tích sàn nuôi	8
E 14: Diện tích chỗ nằm cho heo thịt	8

E 15: Diện tích mặt sàn nằm dành cho heo hậu bị và heo nái	9
E 16: Chuồng heo nọc.....	9
E 17: Mật độ nuôi trong điều kiện nóng	9
E 18: Tự do di chuyển	9
E 19: Giam cầm	9
E 20: Ghép nhóm heo	9
E 21: Phòng ngừa hành vi hung dữ.....	10
E 22: Khắc phục hành vi hung dữ.....	10
E. Hệ thống chuồng đẻ	10
E 23: Khu vực đẻ	10
E 24: Chuẩn bị đẻ	10
E 25: Sau khi đẻ	10
E 26: Môi trường phù hợp cho heo con	11
F. Sự phong phú của môi trường chuồng nuôi	11
E 27: Môi trường mang tính kích thích	11
E 28: Loại bỏ hành vi bất thường	11
E 29: Cách ly	12
G. Chiều sáng	12
E 30: Chiều sáng đầy đủ	12
E 31: Cường độ và thời gian chiếu sáng.....	12
H. Nuôi chăn thả.....	12
E 32: Nhà mùa đông	12
E 33: Nhà mùa hè/vùng nhiệt đới	12
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ	13
A. Người quản lý	13
M 1: Sự hiểu biết về nội dung bảng Tiêu Chuẩn	13
M 2: Quản lý và lưu giữ báo cáo hoạt động	13
M 3: Quy trình khiếu nại/ phản hồi với chủ trại/ người quản lý.....	13
B. Kỹ thuật viên chăn nuôi	14
M 4: Loại trừ các rắc rối phát sinh	14
M 5: Huấn luyện	14
M 6: Có tình thương với động vật	14
C. Lừa đuổi bóc dỡ	15
M 7: Tiếp xúc thường xuyên	15
M 8: Tiếp cận, lừa đuổi cầm nắm	15
D. Nhận dạng.....	15
M 9: Các phương pháp nhận dạng.....	15
E. Trang thiết bị.....	15
M 10: Sử dụng trang thiết bị.....	15
M 11: Các trang thiết bị tự động.....	16
M 12: Trang thiết bị thông gió tự động	16
F. Kiểm tra.....	16
M 13: Giám sát	16
CHƯƠNG 5: SỨC KHỎE VẬT NUÔI.....	17
A. Thực hành chăm sóc sức khỏe.....	17
H 1: Kế hoạch chăm sóc sức khỏe	17

H 2: Chứng nhận tình trạng vệ sinh thú y.....	17
H 3: Loại trừ các vấn đề về sức khỏe	17
H 4: Giám sát đàn	17
H 5: Quản lý việc nhập heo vào đàn.....	18
H 6: Chăm sóc cho heo bị thương, bị bệnh	18
H 7: Kiểm soát ký sinh trùng.....	18
H 8: Chăm sóc chân móng.....	18
H 9: Các thay đổi cơ thể học của heo	18
B. Heo bị thương tích	20
H 10: Trợ tử	20
H 11: Loại bỏ heo chết.....	20
H 12: Loại bỏ heo chết.....	20
CHƯƠNG 6: VẬN CHUYỂN.....	21
A. Chuẩn bị cho việc vận chuyển.....	21
T1: Thức ăn và nước uống.....	21
T2: Heo bệnh hoặc bị thương	21
T3: Huấn luyện	21
T4: Tập tính hành vi heo.....	21
T5: Sử dụng các tấm ván để lừa heo.....	22
T6: Sự hiện diện và sử dụng tất cả các thiết bị dưới dạng roi điện bị cấm tuyệt đối.	22
T7: Chuẩn bị khu vực khi lừa dẫn heo.....	22
T8: Thang dẫn dùng để lừa heo lên xuống phương tiện vận chuyển..	22
T9: Heo bị trơn trượt/ té.....	22
T10: Khoảng cách di chuyển	22
T11: Thời gian vận chuyển.....	22
CHƯƠNG 7: GIẾT MỔ.....	23
A: Quy trình giết mổ	23
S 1: Giảm thiểu việc phải lừa dẫn heo trước khi giết mổ	23
S 2: Kỹ thuật viên đã qua huấn luyện.....	23
S.3: Các yêu cầu trong giết mổ.....	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

A. Nhãn hiệu Chăn Nuôi Nhân Đạo- Certified Humane

Chương trình “Chứng Nhận Chăn Nuôi Nhân Đạo- Certified Humane” nhằm chứng nhận qui trình chăn nuôi động vật và sản phẩm chính động vật đó tạo ra. Chỉ khi hoàn thành thủ tục đăng ký và thông qua đánh giá thanh tra, nhà sản xuất hay chủ trang trại những người có cơ sở chăn nuôi đáp ứng trọn vẹn các tiêu chuẩn đề ra trong Chăn Nuôi Động Vật Trang Trại theo Tiêu Chí Nhân Đạo mới có thể sử dụng nhãn “Chứng Nhận Chăn Nuôi Nhân Đạo” “Certified Humanely Raised and Handled”. Tổ chức cấp giấy chứng nhận Chăn Nuôi Động Vật Trang Trại theo Tiêu Chí HFAC sẽ thanh tra, đánh giá những cơ sở đăng ký tham gia chương trình. Những khoản phí liên quan sẽ dùng để trang trải chi phí thanh tra, đánh giá và vận hành chương trình. Nếu có bất cứ thu nhập thặng dư phát sinh, chúng sẽ được dùng trong các hoạt động như nâng cao nhận thức người tiêu dùng hay các nghiên cứu cải thiện phúc lợi động vật trang trại.

B. Hướng dẫn sử dụng tài liệu Tiêu Chuẩn Phúc Lợi

- Mỗi Tiêu Chuẩn hay nhóm Tiêu Chuẩn đều được bắt đầu với đoạn mô tả mục đích chung của Tiêu chuẩn đó.
- Những yêu cầu mà thể hiện qua những con số đều là tiêu chuẩn kỹ thuật, tất cả đều phải được tuân thủ trong áp dụng.
- Những tiêu chuẩn liệt kê trong tài liệu này bao gồm tất cả cơ sở chăn nuôi tại các vùng địa lý, khí hậu, nhiệt độ và trang thiết bị chuồng trại khác nhau. Do đó, tại một cơ sở chăn nuôi cụ thể, không phải áp dụng tất cả các yêu cầu về tiêu chuẩn nêu trong tài liệu này.
- Trong tài liệu này, có bao gồm một số ô chứa thông tin. Những thông tin này được cung cấp thêm để làm rõ, hoặc để nhấn mạnh rằng một số tiêu chuẩn liên quan nêu trong tài liệu này có thể sẽ được xác minh trong tương lai.
- Người chăn nuôi buộc phải tuân thủ với bất cứ yêu cầu hay qui định trong chăn nuôi heo do địa phương, tỉnh thành, cũng như luật Thú Y quốc gia ban hành liên quan đến những ảnh hưởng từ việc chăn nuôi đến môi trường hoặc an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG 2: THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ NƯỚC UỐNG

MỤC TIÊU: *Động vật trang trại phải được tiếp cận nước sạch và khẩu phần thức ăn được tổ hợp sao cho nhằm duy trì sức khỏe đầy đủ và tạo nên trạng thái tích cực trong quá trình sống của chúng. Thức ăn và nước uống phải được phân bổ sao cho vật nuôi có thể ăn và uống một cách tự do.*

A. Thức Ăn Chăn Nuôi

FW 1: Phong phú và bổ dưỡng

- Heo phải được cho ăn sao cho đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng của chúng, nhu cầu dinh dưỡng cho heo phải được dựa trên thông tin cập nhật từ Hội Đồng Nghiên Cứu Quốc Gia (NRC).
- Heo phải được cho ăn với khẩu phần phong phú như sau:
 - Phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng theo giai đoạn sản xuất và tuổi.
 - Với số lượng đầy đủ để heo có thể duy trì tình trạng sức khỏe; và
 - Đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng.

FW 2: Tiếp cận thức ăn tự do

Heo phải luôn được tiếp cận thức ăn dinh dưỡng hàng ngày, ngoại trừ có chỉ định khác của bác sĩ thú y hiện diện lúc đó.

FW 3: Báo cáo Thức ăn chăn nuôi

- Người chăn nuôi phải ghi nhận, lưu trữ báo cáo bằng văn bản về thành phần thức ăn bao gồm tỷ lệ phối trộn và thành phần của thức ăn hỗn hợp và thức ăn bổ sung trong khẩu phần, và kể cả thông tin về thành phần thức ăn do nhà máy thức ăn gia súc hoặc bất cứ nhà cung cấp nào khác (nếu mua từ họ); và
- Những báo cáo này phải được lưu giữ và xuất trình khi có yêu cầu từ thanh tra của tổ chức HFAC

FW 4: Chất cấm trong thức ăn chăn nuôi

- Không được phép sử dụng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có chứa nguồn đạm từ động vật có vú hoặc từ gia cầm, ngoại trừ sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Không được sử dụng kháng sinh hoặc các chất khác nhằm mục đích tăng trọng. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn hoặc để thay đổi cấu trúc cơ thể,
- Kháng sinh chỉ có thể được sử dụng nhằm mục đích điều trị (điều trị bệnh) trên từng cá thể heo và phải có chỉ định của bác sĩ thú y

FW 5: Thể trạng

- Heo nái phải được cho ăn sao cho chúng có sức khỏe đầy đủ và khả năng sinh sản bình thường trong suốt vòng đời dự kiến tối đa của chúng.
- Tùy theo giai đoạn sản xuất sinh sản, thể trạng của heo nái có thể thay đổi và duy trì nhưng phải được lên kế hoạch cẩn thận.

- c. Theo nguyên tắc chung, vào bất kỳ thời điểm nào, không con vật nào phải mang điểm đánh giá thể trạng dưới 2 hoặc trên 4. Vào ngày thứ 70 của giai đoạn mang thai, điểm đánh giá thể trạng của heo nái ít nhất phải ở mức 3.

Điểm	Mô tả chung	Mô tả chi tiết
1	Cực kỳ gầy ốm	Nhìn rõ xương hông và xương sống; hai bên bụng phẳng lì; có thể thấy toàn bộ khung xương nhô ra.
2	Gầy ốm	Thân mình có hình ống nhưng 2 bên bụng phẳng lì. Có thể sờ thấy xương hông và xương sống mà không cần nhấn tay, thậm chí có thể nhìn thấy bằng mắt.
3	Bình thường	Thân mình có hình ống. Không thể thấy bằng mắt xương hông và xương sống, chỉ có thể xác định được khi nhấn mạnh lòng bàn tay.
4	Mập	Xương hông và xương sống không thể thấy được chỉ qua quan sát; gốc đuôi bị che phủ bởi mô mỡ. Có xu hướng trở nên ụt ịt.
5	Béo phì, ục ịch	Mỡ dày che phủ xương sống và xương hông; gốc đuôi chìm hẳn trong lớp mỡ. Đường sống lưng lõm sâu giữa các khối mỡ.

FW 6: Tránh việc thay đổi khẩu phần ăn

Cần duy trì sự ổn định trong khẩu phần ăn, tránh việc thay đổi đột ngột loại và số lượng thức ăn, ngoại trừ có chỉ định của bác sĩ thú y đang hiện diện.

FW 7: Chương trình cho ăn hạn chế

Tất cả heo buộc phải ăn theo chương trình hạn chế (ví dụ như ít nhất 1 lần trong ngày không được ăn tự do thỏa thích) phải được cung cấp chất bổ sung bằng cách thêm vào chuồng các khối vật chất để heo có thể nhai, bới và dùng đó thay thế phần ăn bị hạn chế (ví dụ như than bùn, rơm, mật cưa, gỗ bào, nhánh cây, lá cây, bụi đá hay gạch sỏi).

FW 8: Tránh việc heo đánh nhau vì giành thức ăn

- Heo nái phải được cho ăn sao cho tình trạng đánh nhau không xảy ra.
- Nếu sàn chuồng khô và sạch và từng cá thể heo có thể lấy thức ăn mà không bị heo khác tranh giành, cắn nhau thì có thể cho heo ăn trực tiếp trên sàn chuồng.

FW 9: Thức ăn đầy đủ và dễ tiếp cận

- Đối với chế độ cho ăn theo tỷ lệ và sử dụng máng ăn, thì máng ăn phải có đủ chỗ (bằng 1.1 lần bề ngang vai Heo) cho tất cả heo có thể ăn cùng một lúc. Một CHỖ ĂN được mô tả là khoảng cách cần đủ cho 1 cá thể heo khi chúng ăn.

- b. Đối với chế độ ăn tự do thì không được có hơn:
 - 1. 6 cá thể heo cho mỗi chỗ ăn, đối với hệ thống cho ăn thức ăn khô, không có thanh chắn cổ ngăn giữa mỗi chỗ ăn;
 - 2. 10 cá thể heo cho mỗi chỗ ăn, đối với hệ thống máng ăn có thanh chắn cổ kéo dài trọn dãy máng ăn;
 - 3. 14 cá thể heo cho mỗi chỗ ăn, đối với hệ thống cho ăn thức ăn trộn lẫn với chất lỏng (nước) (hệ thống máng ăn mà có thể cho ăn cả thức ăn lỏng hay khô).
- c. Nếu cho heo nái ăn thức ăn lỏng và nuôi trong nhà, thì thanh chắn cổ và vai giữa mỗi chỗ ăn phải được dựng lên.

FW 10: Trang thiết bị cho ăn

- a. Trong trường hợp heo chỉ được cho ăn bằng máng ăn, máng ăn phải luôn được vệ sinh sạch sẽ.
- b. Máng ăn và chỗ heo ăn phải sạch, không có hiện diện của phân, nước tiểu hay các chất ô nhiễm khác.
- c. Mỗi ngày 2 lần hệ thống máng ăn phải được kiểm tra nhằm đảm bảo hoạt động thông suốt.
- d. Hệ thống máng ăn phải đảm bảo heo tiếp cận thức ăn dễ dàng nhưng đồng thời không phí đồ thức ăn.

FW 11: Giữ kho thức ăn trong tình trạng chất lượng tối ưu

Tất cả dụng cụ chứa thức ăn chăn nuôi phải được đậy, che nhằm giảm vấy nhiễm từ phân chim và sâu bọ.

FW 12: Cai sữa

Không được cai sữa heo con khỏi heo mẹ trước tuần tuổi thứ 4, trừ khi có chỉ định của thú y rằng nếu không cai sữa thì phúc lợi hoặc sức khỏe thú y của heo mẹ hoặc heo con có thể bị ảnh hưởng xấu. Đối với trại áp dụng chương trình phối/đẻ đồng loạt, thì thời gian cai sữa trung bình cho heo con của toàn đàn cũng phải ở mức 28 ngày hoặc hơn.

FW 13: Tập ăn

Từ ngày tuổi thứ 10, heo con phải được cho tập ăn thức ăn khô với chất lượng dinh dưỡng và độ ngon miệng phù hợp. Phải bố trí sao cho heo mẹ không tiếp cận được nơi heo con tập ăn.

FW 14: Cho ăn đối với heo cai sữa

Phải đặc biệt chú ý trong việc cho ăn đối với heo vừa mới cai sữa, sao cho heo dễ dàng tiếp cận thức ăn, có đầy đủ chỗ ăn cho hầu hết heo con để chúng có thể ăn cùng lúc.

B. Nước uống

FW 15: Cung cấp nước uống

- a. Hàng ngày toàn bộ heo phải được tiếp cận một cách đầy đủ nước uống sạch và trong lành, ngoại trừ khi có chỉ định của bác sĩ thú y tại chỗ.
- b. Phải đặc biệt lưu ý đến độ cao và tốc độ chảy của hệ thống nước uống sao cho tất cả heo đều có thể uống được.

FW 16: Bổ sung thêm máng uống khi cho ăn lỏng hoặc khô

Khi sử dụng hệ thống cho ăn kết hợp giữa thức ăn lỏng và khô (ví dụ cả 2 máng ăn và máng uống cùng bố trí tại chỗ ăn của heo) cần phải bổ sung thêm máng uống trong chuồng.

FW 17: Trang thiết bị cho uống

- a. Tô uống phải luôn được giữ sạch sẽ.
- b. Mỗi ngày 2 lần, máng uống phải được kiểm tra để đảm bảo chúng hoạt động tốt. Nếu sử dụng hệ thống núm uống thì chúng phải được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo hoạt động bình thường và không bị tắt nghẽn.

FW 18: Máng uống cho heo nái đang cho sữa

Nước uống sạch và trong lành phải được cung cấp cho heo nái mẹ trong mọi thời điểm. Tốc độ dòng chảy của hệ thống nước uống sử dụng núm uống phải đạt tối thiểu 0,71 lít/phút.

FW 19: Hệ thống cung cấp nước uống trong trường hợp khẩn cấp

Hệ thống cung cấp nước uống dự phòng phải được bố trí để đảm bảo nguồn cung cấp nước uống phù hợp được liên tục trong trường hợp có trục trặc kỹ thuật từ hệ thống đang có (ví dụ trong trường hợp hiệt độ môi trường hạ thấp đến độ đông giá, nguồn nước cạn kiệt do khô hạn, hay do nguồn nước bị ô nhiễm).

CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

MỤC TIÊU: *Môi trường chăn nuôi phải đảm bảo nhu cầu phúc lợi của heo và phải được thiết kế sao cho có thể bảo vệ chúng không bị tác động bất lợi bởi các yếu tố vật lý, nhiệt độ, sự sợ hãi, bất ổn, và cho phép chúng được thể hiện hành vi tự nhiên.*

A. Nhà trại

E 1: Chuồng trại có liên quan đến phúc lợi vật nuôi

- a. Tất cả những điểm chủ yếu có liên quan đến phúc lợi của heo nuôi trong cơ sở phải được ghi nhận bằng văn bản như sổ nhật ký toàn trại hay bảng ghi chú tại từng khu nuôi, nếu có thể thì nên dán ngay lối ra vào của từng chuồng trại trong toàn cơ sở, và thông tin trong những báo cáo này phải được bổ sung kịp thời thường xuyên.
- b. Các báo cáo phải bao gồm:
 1. Tổng diện tích sàn;
 2. Diện tích nhà trại mà heo trực tiếp sử dụng; và
 3. Tổng đàn heo hiện có bao gồm tuổi và trọng lượng, theo đó là diện tích trên từng đầu con nơi ăn, uống và sàn chuồng nơi heo nằm nghỉ ngơi.

E 2: Thiết kế chuồng trại

- a. Những yếu tố vật lý trong không gian sống của heo không được mang bất cứ nguy cơ nào có thể dẫn tới gây tổn thương lặp đi lặp lại cho chúng.
- b. Nhằm đảm bảo không có bất cứ vật sắc nhọn, hay những thiết bị nhô ra mang nguy cơ gây tổn thương hoặc bất ổn cho heo, trang thiết bị bên trong chuồng trại, bao gồm sàn và tất cả thiết bị gắn cố định hoặc lắp trên bề mặt những nơi heo có thể lui tới bắt buộc phải:
 1. Thiết kế và lắp đặt cẩn thận;
 2. Bảo trì tốt; và
 3. Kiểm tra thường xuyên.

E 3: Ngăn ngừa tổn thương từ chuồng trại

Dù là hệ thống chăn nuôi trong nhà hay chăn thả, bắt buộc không cho phép sự tồn tại những dấu hiệu cho thấy heo bị thương tích lặp đi lặp lại, loại thương tích mà có thể gây ra do một số yếu tố vật lý hiện diện trong môi trường nuôi (định danh “thương tích” ở đây nghĩa là khi vết thương nghiêm trọng đến mức gây tổn thương tạo sẹo mô hạt và mức tổn thương vượt quá vết thương do va chạm hay trầy xước).

E 4: Giới hạn việc sử dụng chất độc hại trong khu vực chuồng trại

Trừ trường hợp phải bảo trì bảo quản nhà trại với các chất bảo quản có tác dụng diệt côn trùng, diệt nấm, heo không được tiếp xúc với các độc tố từ sơn, chất bảo quản gỗ, thuốc sát trùng dưới hình thức khí hoặc lớp đọng trên bề mặt.

E 5: Lắp đặt hệ thống điện

Toàn bộ hệ thống điện buộc phải:

1. Ngoài tầm tiếp xúc của heo;

2. Cách điện tốt;
3. An toàn khỏi sự cắn phá của loài gặm nhấm;
4. Chôn an toàn dưới nền; và
5. Thường xuyên kiểm tra sự xuất hiện của những mối dây điện bị hở.

E 6: Vệ sinh và sát trùng

Phải sử dụng nguyên liệu lót bọc bề mặt chuồng trại sao cho việc vệ sinh sát trùng được thuận tiện dễ dàng và dễ thay thế khi cần thiết.

B. Môi trường nhiệt & Thông gió

E 7: Điều kiện nhiệt độ

- a. Nhiệt độ môi trường chuồng nuôi phải được duy trì sao cho heo không bị tác động tiêu cực do lạnh hoặc nóng.
- b. Khoảng nhiệt độ khuyến nghị cho heo là:

Thân trọng		Khoảng nhiệt độ	
Lbs (pound)	Kg	°F	°C
7-33	3-15	79-90	26-32
33-77	15-35	64-79	18-26
77-154	35-70	59-77	15-25
154-220	70-100	50-77	10-25
> 220	> 100	50-77	10-25
Nái nuôi con		59-79	15-26
Heo con		90	32

E 8: Thông gió

Thông gió phải hữu hiệu để tránh tình trạng tích lũy ẩm độ cao, kết tụ hơi nước, và gió lùa những yếu tố gây hại cho heo, loài động vật có thể nhạy cảm với bệnh đường hô hấp.

Nếu thiết kế hệ thống thông gió đúng cách, sẽ giúp không khí phía trên chiều cao của thân heo luân chuyển tốt cùng lúc tránh được hiện tượng gió lùa ở tầm thấp của thân heo.

E 9: Chất lượng không khí

- a. Phải đảm bảo mức độ ô nhiễm trong không khí chuồng nuôi, khi có hiện diện của heo trong chuồng, nồng độ chất gây ô nhiễm không được hiện diện đến mức có thể ngay lập tức gây chú ý và tạo sự khó chịu cho người khi bước vào chuồng nuôi.

Bụi hô hấp không được vượt quá nồng độ 5 mg/m³

- b. Nồng độ ammonia phải dưới 10 ppm, và không được vượt quá 25 ppm, khi xảy ra trục trặc kỹ thuật của hệ thống thông gió hoặc điều kiện bất thường của thời tiết nồng độ ammonia có thể bị vượt quá mức qui định, nhưng chỉ cho phép trong 1 thời gian ngắn. Nồng độ ammonia ở tầm cao thân heo phải được đo và ghi nhận ít nhất 2 tuần 1 lần và phải lưu giữ sẵn sàng khi có yêu cầu từ thanh tra của tổ chức HFAC

E 10: Giảm stress nhiệt

Trong thời tiết hè nắng nóng, phải trang bị những điều kiện nhằm bảo vệ heo khỏi stress nhiệt (ví dụ bể tắm, bóng râm, hệ thống làm mát phun sương, hệ thống làm mát nhỏ giọt, tắm lót lạnh, hệ thống làm mát phun sương, kết hợp với quạt).

C. Khu vực nằm/sàn chuồng

E 11: Khu vực nằm

- Đối với heo nuôi trong nhà, chúng phải luôn được tiếp cận mọi lúc một khu vực để nằm nghỉ ngơi (xem mục E14) có thuộc tính như sau:
 - Bề mặt liên tục, phủ kín (không được là bề mặt có lỗ);
 - Tráng bọc bề mặt khu vực heo nằm nhằm giảm tối đa việc mất thoải mái trên heo; và
 - Sàn nơi heo nằm có thể tạo độ dốc hoặc độn chất độn sao cho luôn đảm bảo bề mặt khu vực nằm của heo được khô ráo.
- Đối với heo nuôi chăn thả, khu nằm của chúng phải đảm bảo sự thoải mái, khô ráo và có diện tích đủ để khi cần tất cả heo có thể nằm cùng lúc. Nếu trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt bất thường (ví dụ như mưa, tuyết, lạnh) heo phải được cung cấp mái che, chỗ nằm khô ráo thoải mái, tắm chải nhằm giảm tác động của gió buốt và diện tích đủ cho tất cả heo nằm cùng một lúc.

E 12: Chuồng phối giống

- Trong chuồng phối giống, toàn bộ sàn chuồng phải luôn khô ráo hoặc có chất độn đủ để heo có thể bám chân tốt trong quá trình phối giống.
- Chuồng phối phải đủ rộng để tạo điều kiện cho heo di chuyển trong quá trình chuẩn bị và thực hiện giao phối.

D. Mật độ nuôi

E 13: Tổng diện tích sàn nuôi

Mỗi cá thể heo phải luôn được đảm bảo một diện tích sàn không được nhỏ hơn 1.5 lần diện tích bề mặt của chúng trong tư thế nằm.

E 14: Diện tích chỗ nằm cho heo thịt

Diện tích mặt sàn nằm TỐI THIỂU và tổng diện tích sàn dành cho mỗi heo thịt qui định như sau:

Thân trọng		Diện tích sàn nằm		Tổng diện tích sàn	
(kg)	(Lbs.)	(m ²)	(ft ²)	(m ²)	(ft ²)
10	22	.27	2.9	.41	4.5
20	44	.37	4.0	.56	6.0
30	66	.43	4.6	.65	7.0
40	88	.43	4.6	.65	7.0
50	110	.49	5.29	.93	10
60	132	.61	6.61	.93	10

70	154	.62	6.66	.93	10
80	176	.62	6.66	.93	10
90	198	.62	6.66	.93	10
100	220	.62	6.66	.93	10
110	242	.62	6.7	.93	10
120	264+	.75	8.04	1.1	12

E 15: Diện tích mặt sàn nằm dành cho heo hậu bị và heo nái

Mỗi heo nái trưởng thành phải có diện tích mặt sàn tối thiểu là 3.5m²/nái và diện tích sàn 2.5m²/nái đối với heo nái đẻ lứa đầu và lứa thứ 2, dù vậy diện tích sàn này có thể dao động (tùy vào sự khác biệt về giống và dòng) dưới điều kiện là có sự đồng ý của thanh tra của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC. Diện tích mặt sàn khi heo nằm phải tương đương ít nhất với ô vuông có các cạnh là độ dài của thân heo, có thể coi tương đương với một ô vuông tối thiểu là 1.5m² cho mỗi heo nái trưởng thành và 1m² cho mỗi heo đẻ lứa đầu tiên hoặc lứa thứ 2 (xem mục E23 qui định diện tích dành cho heo nái đẻ)

E 16: Chuồng heo nọc

Chuồng heo nọc trưởng thành phải đủ rộng để chúng có thể xoay trở dễ dàng và khi nằm có thể duỗi thân tối đa.

E 17: Mật độ nuôi trong điều kiện nóng

Trong điều kiện nóng bức, phải cung cấp thêm diện tích sàn sao cho heo có thể nằm tách rời nhau, kèm theo việc trang bị hệ thống thông gió và các biện pháp giải nhiệt (nhỏ nước, phun sương, tắm lót làm mát, làm mát bằng cách bốc hơi nước, bể tắm) nhằm giúp heo duy trì thân nhiệt trong biên độ an toàn.

E 18: Tự do di chuyển

Heo phải có diện tích đủ để có thể xoay chuyển thân mình một cách thoải mái trong mọi hoàn cảnh. Hệ thống chuồng ép từng cá thể (ngoại trừ ngăn chuồng nhằm mục đích chữa trị) hay cùm cột heo khiến chúng bị giới hạn di chuyển bị cấm tuyệt đối.

E 19: Giam cầm

Không được nuôi giữ heo trong điều kiện giam cầm ngoại trừ một số trường hợp mô tả theo sau, nhưng ngay cả khi cần thiết thì thời gian cầm giữ heo buộc phải ngắn nhất:

1. Khi thực hiện công tác thú y như việc khám định kỳ, lấy mẫu máu, điều trị hay giải phẫu;
2. Heo cần ăn theo khẩu phần riêng;
3. Cần thực hiện việc đánh dấu, vệ sinh hay cân;
4. Trong lúc vệ sinh toàn trại;
5. Trong lúc gieo tinh nhân tạo; hay
6. Trong lúc heo chờ lên xe để di chuyển.

E 20: Ghép nhóm heo

- a. Hạn chế việc ghép heo vào nhóm mới, nên duy trì tính ổn định nhóm cho heo.
- b. Khi heo tăng trưởng thì việc chia chúng thành những nhóm nhỏ được chấp thuận.

E 21: Phòng ngừa hành vi hung dữ

Bằng cách trang bị chuồng trại sao cho heo có thể lấy thức ăn mà không bị tranh giành từ các heo khác.

E 22: Khắc phục hành vi hung dữ

- a. Nếu heo đánh nhau đến mức gây thương tích lẫn nhau, kế hoạch hành động nhằm khắc phục phải được lập ra như thể hiện trong văn bản Kế Hoạch Sức Khỏe Vật Nuôi (AHP) xem mục H1) và phải được triển khai thực hiện nhằm ngăn ngừa thêm thương tích trên heo.
- b. Bản kế hoạch phải nêu được những biện pháp tiềm năng nhằm ngăn ngừa thương tích gây ra do heo đánh nhau:
 1. Bổ sung vào môi trường của heo những nguyên liệu giúp chi phối hoạt động của chúng;
 2. Giảm mật độ nuôi; hay
 3. Thay đổi chế độ cho ăn.
- c. Đặc biệt lưu ý đến heo nái và heo hậu bị nuôi theo nhóm.

E. Hệ thống chuồng đẻ

E 23: Khu vực đẻ

- a. Chuồng heo nái chuẩn bị đẻ phải đủ rộng để heo có thể xoay quanh và sàn chuồng phải có chất đệm (ví dụ như rơm).
- b. Khoảng 48 giờ trước khi heo có dấu hiệu đẻ, khối lượng đầy đủ các nguyên liệu (như rơm) phải được cung cấp nhằm mục đích giúp heo thể hiện được hành vi làm ổ. Mạt cưa và cát là nguyên liệu không phù hợp cho heo nái dùng làm ổ.
- c. Loại chuồng nhốt heo nái đẻ riêng lẻ kiểu cũ thẳng, hẹp bị cấm sử dụng.
- d. Loại chuồng đẻ áp dụng sàn chuồng có độ dốc và lều / chòi cho heo nuôi chẵn thả là những hình thức chuồng đẻ của heo nái được chấp nhận dùng thay thế loại chuồng nhốt cá thể kiểu cũ.
- e. Chuồng đẻ phải có diện tích tối thiểu 1.8 x 2.4m.
- f. Diện tích chuồng đẻ 3 x 3 m cho phép heo nái di chuyển một cách dễ dàng tự do được ra chuồng, tuy nhiên khi áp dụng kích cỡ này cho chuồng heo nái đẻ, biện pháp bảo vệ heo con phải được trang bị. Diện tích khu vực dùng bảo vệ heo con ít nhất là 0.8 m² và có hệ thống sưởi. Thêm vào đó, thanh chắn phải được lắp đặt vào dọc tường nhằm ngăn ngừa tình trạng heo con bị heo mẹ đè mỗi khi heo mẹ nằm xuống. Thanh chắn phải có khoảng cách từ 0,2 – 0,25 mét từ tường ra và 0,2-0,25 mét tính từ mặt sàn lên.

E 24: Chuẩn bị đẻ

- a. Heo nái phải được ở trong chuồng đẻ sạch, thoải mái trong giai đoạn chuẩn bị đẻ.
- b. Kỹ thuật viên chăn nuôi phải có kinh nghiệm và trình độ để hỗ trợ quá trình heo đẻ.

E 25: Sau khi đẻ

- a. Heo nái sau khi đẻ vẫn phải được ở trong chuồng đẻ ít nhất 28 ngày sau đó.
- b. Không được phép cai sữa heo con trước 4 tuần tuổi, nếu áp dụng đẻ đồng loạt thì tuổi cai sữa trung bình mỗi đàn heo nái đẻ phải là 28 ngày hoặc hơn, trừ trường hợp có chỉ định khác của bác sĩ thú y nhằm đảm bảo phúc lợi của heo mẹ và heo con.

E 26: Môi trường phù hợp cho heo con

- Chuồng nái đẻ phải có trang thiết bị phù hợp nhằm bảo vệ heo con khỏi bị heo mẹ đè.
- Hệ thống sưởi phải được trang bị và phải trong tình trạng hoạt động nhằm cung cấp nhiệt độ phù hợp cho heo con.

Trong thực tế chăn nuôi việc cho heo đẻ đồng loạt rất phổ biến điều này dẫn tới việc heo con từ những heo nái khác nhau sẽ cai sữa đồng loạt, nếu xác định tuổi cai sữa trung bình của toàn đàn là 28 ngày thì có lứa heo con mới 25 – 27 ngày tuổi và có lứa heo con 29 – 31 ngày tuổi. Heo con sẽ gặp nhiều vấn đề về phúc lợi nếu bị cai sữa mẹ sớm; do đó biện pháp quản lý và chương trình dinh dưỡng cho heo con phải cai sữa trước 28 ngày (25-27 ngày) phải được cân nhắc kỹ lưỡng.

F. Sự phong phú của môi trường chuồng nuôi

E 27: Môi trường mang tính kích thích

- Bản năng tò mò tự nhiên của heo dẫn tới chúng có động lực luôn thích đào bới. Do đó, phải cung cấp vào trong môi trường nuôi sao cho heo có thể tiếp cận mọi lúc các vật chất như rơm, vụn bào gỗ, than bùn, những vật chất này giúp chúng thể hiện hành vi tự nhiên như đào bới, cào, gặm và nhai.
- Phải trang bị thêm những vật chất khác như dây xích, banh hay dây thừng nhằm giúp heo thể hiện hành vi khám phá.

E 28: Loại bỏ hành vi bất thường

- Khi vừa thấy xuất hiện những hành vi bất thường dẫn tới gây tổn thương heo khác (ví dụ cắn đuôi, cắn hông, cắn tai hay âm đạo), ngay lập tức phải cung cấp vào chuồng cho heo những vật chất mang tính kích thích chúng tập trung vào để khám phá và bỏ rơi hành vi bất thường gây thương tích lẫn nhau trước đó.
- Ngay khi sự kiện xảy ra, kỹ thuật viên chăn nuôi phải áp dụng mọi biện pháp để loại bỏ ngay hiện tượng bất thường nêu trên.
- Phải ghi nhận báo cáo hành vi bất thường trên heo mỗi khi nó xảy ra, và biện pháp can thiệp đã áp dụng.

Nhằm phòng tránh hay làm giảm sự xuất hiện của các hành vi bất thường trên heo, ít nhất hai lần mỗi tuần nên rải trên sàn chuồng các vật chất như ngũ cốc nguyên hạt hay cám dạng viên sẽ giúp chúng thỏa mãn nhu cầu kiếm ăn bằng cách đào bới kiếm tìm. Đối với nhóm heo đang trong giai đoạn phải hạn chế ăn, vào gần giờ cho ăn nên cho vào máng cùng một lúc khối lượng lớn thức ăn cũng sẽ giúp giảm thiểu hành vi bất thường

- Khi hành vi bất thường vẫn lặp đi lặp lại trong một số ô chuồng nhất định:
 - Phải báo cáo đến bác sĩ thú y nhằm điều chỉnh tình huống và tăng sự phong phú của môi trường nuôi;
 - Chương trình điều chỉnh phải được triển khai áp dụng ngay lập tức; và
 - Duy trì chương trình điều chỉnh đó cho đến khi các hành vi bất thường chấm dứt.

E 29: Cách ly

- a. Chuồng cách ly phải có vị trí và thiết kế sao cho heo bị cách ly không bị che khuất tầm nhìn, không ngửi được mùi, không nghe được tiếng ồn từ những heo khác, ngoại trừ trường hợp cách ly cho mục đích kiểm dịch.
- b. Heo bệnh hay bị thương có thể phải cách ly một thời gian, nhưng phải có chỉ định của thú y.

G. Chiếu sáng

E 30: Chiếu sáng đầy đủ

Đối với dạng chuồng nuôi heo nuôi trong nhà, dù gắn cố định hay di động, hệ thống chiếu sáng phải đầy đủ nhằm giúp việc kiểm tra tình trạng của heo được thuận tiện mọi lúc.

E 31: Cường độ và thời gian chiếu sáng

Đối với dạng chuồng nuôi heo trong nhà, tại những khu vực bố trí ánh sáng, ở tầm mắt mình, heo phải nhận được ánh sáng có thời gian và cường độ tương đương ánh sáng ngày (50 lux) (cường độ ánh sáng đủ là ở mức để người có mắt bình thường có thể đọc báo in một cách dễ dàng).

H. Nuôi chăn thả

E 32: Nhà mùa đông

Đối với heo nuôi thả xuyên suốt mùa đông, phải trang bị nhà nuôi sao cho chúng có thể tránh gió tránh ướt và:

1. Chỗ đủ để tất cả heo có thể nằm cùng một lúc; và
2. Cung cấp chất độn chuồng đầy đủ và khô ráo.

E 33: Nhà mùa hè/vùng nhiệt đới

- a. Vào mùa hè, nguy cơ xảy ra stress nhiệt và nắng gắt trên heo có thể xảy ra, thì khu vực có bóng râm đủ lớn và dễ dàng cho heo tiếp cận phải được thiết kế:
 1. Đủ chỗ để tất cả heo có thể nằm cùng lúc, và
 2. Có thể nằm tách rời nhau nếu muốn.
- b. Phải trang bị hồ tắm, nước nhỏ giọt hay vòi phun.
- c. Khi nuôi chăn thả, mật độ nuôi phải được tính toán kỹ, phải tuân thủ tất cả qui định về bảo vệ môi trường của địa phương và quốc gia.

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ

MỤC TIÊU: Quản lý có trách nhiệm và thể hiện sự quan tâm ở mức độ cao là rất quan trọng để đảm bảo phúc lợi tốt cho động vật. Người quản lý phải được đào tạo kỹ lưỡng, có kỹ năng và năng lực về chăn nuôi và phúc lợi động vật, đồng thời có kiến thức tốt về hệ thống chăn nuôi và vật nuôi mà họ chăm sóc. Quy trình quản lý chăn nuôi heo hàng ngày phải được đảm bảo tính ổn định và hoàn toàn có thể biết trước.

A. Người quản lý

M 1: Sự hiểu biết về nội dung bảng Tiêu Chuẩn

Người quản lý phải đảm bảo rằng:

1. Tất cả kỹ thuật viên chăn nuôi đều có bảng Tiêu chuẩn HFAC Chăn Nuôi Heo hiện hành;
2. Cả người quản lý và kỹ thuật viên đều quen thuộc với bảng tiêu chuẩn, và
3. Cả người quản lý và kỹ thuật viên đều hiểu nội dung bảng tiêu chuẩn.

M 2: Quản lý và lưu giữ báo cáo hoạt động

Người quản lý phải:

1. Phát triển và triển khai chương trình huấn luyện cho kỹ thuật viên, thường xuyên cập nhật chương trình huấn luyện và phát triển nhân lực trong tương lai;
2. Phát triển và triển khai kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp như hỏa hoạn, lũ lụt, nguồn cung cho hoạt động chăn nuôi bị gián đoạn, những địa chỉ liên lạc trong tình trạng khẩn cấp phải được bố trí thông qua điện thoại và dán cố định tại lối ra vào trại;
3. Lập “Kế Hoạch Ứng Phó trong Tình Trạng Khẩn Cấp” kèm theo đường liên lạc qua điện thoại trong đó nêu rõ quy trình ứng phó cho mỗi cá nhân thực hiện ngay khi phát hiện tình trạng khẩn cấp như hỏa hoạn, lũ lụt, mất điện;
4. Phải đảm bảo triển khai thực hiện và thường xuyên cập nhật Kế Hoạch Sức Khỏe Động Vật (xem mục H1), và thực hiện việc báo cáo lưu trữ những số liệu theo yêu cầu trong bảng kế hoạch;
5. Phải thực hiện và sẵn sàng trình cho thanh tra của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC các báo cáo về thông số sản xuất chăn nuôi và việc sử dụng thuốc. Cùng với những báo cáo này phải đính kèm hồ sơ của tất cả đàn vào và ra khỏi trại cũng như loại và số lượng thuốc đã sử dụng;
6. Phải phát triển và triển khai thực hiện kế hoạch vận chuyển, kế hoạch này phải bao gồm phương pháp nhận dạng heo (xem mục M9) và giảm thiểu thời gian chờ và nhập nhóm heo; và
7. Phải phát triển kế hoạch để khi khẩn cấp thì có thể giết theo cách nhân đạo những heo bị chấn thương.

M 3: Quy trình khiếu nại/ phản hồi với chủ trại/ người quản lý

- a. Để nhận chứng nhận, cơ sở chăn nuôi phải duy trì hệ thống tiếp nhận, phản hồi và lập hồ sơ tất cả những khiếu nại liên quan đến những sơ suất của cơ sở trong việc chấp hành các tiêu chuẩn HFAC.

- b. Bất cứ khi nào nhận khiếu nại, người điều hành cơ sở phải:
 - 1. Có hành động cụ thể để phản hồi nội dung khiếu nại và
 - 2. Sửa chữa bất cứ sai sót yếu kém trong sản phẩm hay dịch vụ mà những yếu kém sai sót đó đã làm ảnh hưởng đến việc tuân thủ yêu cầu cấp giấy chứng nhận.
- c. Các báo cáo phải được lưu trữ theo cơ sở ít nhất trong thời gian 3 năm kể từ ngày báo cáo được lập. Trong nội dung báo cáo phải chứa đựng thông tin:
 - 1. Về tất cả khiếu nại mà cơ sở đã nhận (văn bản hoặc lời nói),
 - 2. Những hành động mà cơ sở đã thực hiện nhằm phản hồi những khiếu nại đó,
- d. Các báo cáo này phải luôn sắp xếp sẵn sàng để khi có yêu cầu thì trình cho thanh tra của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC. Mỗi năm, trong lộ trình tái thanh tra cơ sở, tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC sẽ xem xét lại các báo cáo này.
- e. Nếu cơ sở chăn nuôi đăng ký chăn nuôi hữu cơ, nhưng xuất hiện tình trạng cơ sở bị phán quyết bất lợi liên quan đến hoạt động (ví dụ như bị đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận, bị phạt tiền hoặc xử phạt khác) do một tổ chức chứng nhận khác hoặc do một chương trình của chính phủ quản lý ngành kỹ nghệ hữu cơ ban hành thì người điều hành cơ sở phải thông báo đến tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC.

B. Kỹ thuật viên chăn nuôi

M 4: Loại trừ các rắc rối phát sinh

Kỹ thuật viên chăn nuôi tại mỗi đơn vị do mình phụ trách phải hiểu rõ thời điểm, tình huống và các điều kiện mà tình trạng phúc lợi của heo có thể bị đe dọa, lúc này kỹ thuật viên phải có năng lực trong việc nhận biết và ứng phó với tình huống phát sinh.

M 5: Huấn luyện

- a. Bên cạnh nhiệm vụ hàng đầu của kỹ thuật viên chăn nuôi là chăm lo cho phúc lợi của heo, họ phải được tham gia các chương trình huấn luyện liên quan chặt chẽ, cụ thể đến lĩnh vực họ phụ trách. Tất cả kỹ thuật viên chăn nuôi phải có thể:
 - 1. Phân biệt và phát hiện dấu hiệu hành vi bình thường, hành vi bất thường và sự sợ sệt;
 - 2. Nhận dạng và phát hiện các dấu hiệu của các bệnh thông thường, hiểu biết cách ngăn ngừa và kiểm soát bệnh, và biết khi nào thì phải báo cáo đến bác sĩ thú y để có hỗ trợ;
 - 3. Có kiến thức trong việc đánh giá cho điểm thể trạng của heo;
 - 4. Hiểu biết về cơ thể học cấu trúc bình thường của bàn chân heo, cách chăm sóc và điều trị;
 - 5. Có kiến thức về việc sinh con của heo nái và cách chăm sóc heo con mới sinh;
 - 6. Hiểu biết thế nào là cách thực hiện nhân đạo khi chăm sóc, lừa đuổi, bóc dỡ heo lên xuống; và
 - 7. Hiểu biết về “trợ tử nhân đạo” và cách thức thực hiện.

M 6: Có tình thương với động vật

- a. Kỹ thuật viên chăn nuôi phải có khả năng và thể hiện tính chuyên nghiệp và lòng thương cảm mỗi khi tiếp cận chăm sóc hay lừa đuổi heo.

- b. Kỹ thuật viên chăn nuôi phải thực hiện một cách chuyên nghiệp, thành thực mỗi khi triển khai hay thực hiện những qui trình có thể gây đau đớn cho heo (ví dụ tiêm chích, làm mòn phân nhon của răng nanh heo, và thiến).

C. Lừa đuôi bốc dỡ

M 7: Tiếp xúc thường xuyên

Heo phải được tiếp cận thường xuyên với người chăn nuôi nhằm giảm thiểu sự sợ hãi và việc đó sẽ giúp cải thiện phúc lợi heo.

M 8: Tiếp cận, lừa đuôi cầm nắm

- a. Khi thao tác trên heo, công nhân phải tiếp cận êm nhẹ, cầm nắm chúng chắc chắn vững chãi nhằm giảm thiểu cảm giác đau hay lo sợ không cần thiết.
- b. Không được cầm nắm kéo đuôi, tai, hay chân của heo.
- c. Roi điện bị cấm sử dụng, chỉ trừ khi buộc phải sử dụng vì không còn cách nào khác nhằm đảm bảo an toàn cho người và vật. Trong trường hợp buộc phải sử dụng roi điện, phải có báo cáo chi tiết về trường hợp và lý do sử dụng và lưu trữ trong hồ sơ của trại.
- d. Những tấm ngăn dùng để chia nhóm heo mỗi khi lừa đi có thể được sử dụng, nhưng không được dùng những tấm lừa đó để đánh đập heo một cách bạo lực đến mức có thể thấy dấu hiệu tổn thương trên thân heo.

D. Nhận dạng

M 9: Các phương pháp nhận dạng

- a. Khi cần thiết phải đánh dấu để nhận dạng heo một cách bền vững, các phương pháp đeo thẻ tai, hay xăm chữ số trên vai heo được cho phép sử dụng.
- b. Những thao tác này phải được triển khai thực hiện bởi kỹ thuật viên đã được huấn luyện và thành thực cách thức, và chỉ sử dụng những thiết bị được bảo trì kỹ.
- c. Phương pháp cắt rìa tai heo để đánh dấu bị cấm áp dụng. Khi phương pháp này buộc phải áp dụng, các lý giải phù hợp phải được trình bày với tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC.

E. Trang thiết bị

M 10: Sử dụng trang thiết bị

- a. Đối với những trang thiết bị mà khi lắp đặt chúng có thể gây ảnh hưởng đến phúc lợi của heo, người chăn nuôi phải:
 - 1. Thao tác để cho thấy năng lực mình có thể vận hành các thiết bị đó;
 - 2. Thao tác để cho thấy năng lực mình có thể thực hiện công việc bảo trì thiết bị một cách thường xuyên;
 - 3. Có khả năng phát hiện trục trặc của thiết bị;
 - 4. Thao tác cho thấy sự hiểu biết và nắm vững những gì cần làm mỗi khi trục trặc với thiết bị xảy ra; và
 - 5. Hiểu mục đích và cách sử dụng thiết bị bảo hộ lao động (xem Thông số kỹ thuật Quản lý An toàn và Sức Khỏe Lao Động).

M 11: Các trang thiết bị tự động

- a. Không được ít hơn 1 lần mỗi ngày, tất cả trang thiết bị tự động phải được kiểm tra kỹ lưỡng bởi kỹ thuật viên chăn nuôi, hoặc người thông thạo, nhằm phát hiện nếu có bất cứ trục trặc kỹ thuật nào.
- b. Khi có trục trặc kỹ thuật xảy ra đối với thiết bị tự động:
 1. Ngay lập tức trục trặc phải được khắc phục; hoặc
 2. Nếu điều này là không thể, các biện pháp can thiệp, dựa trên yêu cầu là để phòng tránh việc vật nuôi phải chịu tổn thương hay bất ổn gây ra do trục trặc thiết bị tự động đó, phải được thực hiện ngay lập tức (và phải được duy trì cho đến khi trục trặc đó được giải quyết).

M 12: Trang thiết bị thông gió tự động

Khi hệ thống thông gió tự động được sử dụng trong cơ sở, hệ thống đó phải bao gồm:

1. Thiết bị báo động đủ nhạy và chính xác để đảm bảo mỗi khi có trục trặc trong hệ thống thì tín hiệu báo động sẽ được thể hiện và hệ thống sẽ chuyển sang hoạt động theo cơ chế dự phòng (hệ thống mà có thể duy trì hoạt động ngay cả trong trường hợp mất nguồn điện chính); và
2. Nhằm phòng tránh cho vật nuôi bị tổn hại, trại phải có hệ thống thông gió dự phòng (tự động hoặc cơ học) và hệ thống này sẽ được kích hoạt để hoạt động trong trường hợp hệ thống thông gió chính bị trục trặc.

F. Kiểm tra

M 13: Giám sát

Ít nhất 2 lần mỗi ngày, người kỹ thuật viên chăn nuôi phải kiểm tra tất cả trang thiết bị đang sử dụng trong khu trại mà người này chịu trách nhiệm, tất cả kết quả giám sát và biện pháp can thiệp nếu có sẽ phải được ghi nhận vào báo cáo trại.

Trong phạm vi thực hiện công việc hàng ngày của mình, ngay khi quan sát và phát hiện bất cứ vấn đề gì gây ảnh hưởng đến phúc lợi của heo, người kỹ thuật viên chăn nuôi phải xử lý ngay lập tức để giải quyết vấn đề, không được chậm trễ.

Khi phát hiện các vấn đề phúc lợi trên heo đủ nghiêm trọng mà lẽ ra người chăm sóc phải chú ý và xử lý trong các lần kiểm tra hàng ngày trước đó, thanh tra của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC coi là bằng chứng về sự cấu thả trong nhiệm vụ của người kỹ thuật viên đó.

CHƯƠNG 5: SỨC KHỎE VẬT NUÔI

MỤC TIÊU: *Môi trường chăn nuôi heo phải đảm bảo mang tới sức khỏe tốt cho heo nuôi trong đó. Tất cả người chăn nuôi phải lập kế hoạch đảm bảo sức khỏe cho heo và kế hoạch sức khỏe này phải có tư vấn của thú y.*

A. Thực hành chăm sóc sức khỏe

H 1: Kế hoạch chăm sóc sức khỏe

- a. Toàn bộ các khu nhà trại nuôi heo phải có kế hoạch chăm sóc sức khỏe (AHP) bằng văn bản và có tư vấn của thú y.
- b. Kế hoạch chăm sóc sức khỏe này phải bao gồm:
 1. Chi tiết của chương trình tiêm phòng;
 2. Thông tin về những can thiệp điều trị và các thông tin khác thuộc về kế hoạch chăm sóc sức khỏe của đàn;
 3. Nguyên nhân (nếu biết) của các bệnh hay ca chết xảy ra;
 4. Giới hạn chịu đựng với hiệu suất tổng đàn;
 5. Các biện pháp đảm bảo an toàn sinh học; và
 6. Lịch trình vệ sinh và sát trùng

H 2: Chứng nhận tình trạng vệ sinh thú y

Khi các chứng chỉ về tình trạng vệ sinh thú y được áp dụng thì tình trạng nhiễm hay không trichinae (loại giun sán) và toxoplasmosis (bệnh gây ra do giun sán đó) phải được chứng nhận bằng văn bản cũng như chứng chỉ không có hiện diện của bệnh pseudo-rabies (Giả dại), brucellosis (Sảy thai), và những bệnh trong danh sách qui định kiểm dịch do cơ quan thú y quốc gia qui định.

H 3: Loại trừ các vấn đề về sức khỏe

- a. Đối với tất cả các trường hợp heo chết đột ngột, xảy ra ổ dịch, hay giết nhân đạo đối với heo có vấn đề sức khỏe cần phải:
 1. Ghi nhận báo cáo;
 2. Báo cáo tình hình đến thú y;
 3. Điều tra một cách tỷ mỉ và toàn diện; và
 4. Báo cáo trong đó ghi nhận kết quả và những biện pháp đã được áp dụng.
- b. Phải tuân thủ tất cả luật lệ qui định trong việc quản lý giám sát sức khỏe và bệnh trên vật nuôi do địa phương ban hành.

H 4: Giám sát đàn

- a. Thông số về năng suất và tình trạng sức khỏe toàn đàn phải được giám sát liên tục để phát hiện kịp thời dấu hiệu của bệnh hay bất thường trong năng suất chăn nuôi.
- b. Nếu xuất hiện bất kỳ thông số nào về năng suất/sức khỏe của đàn mà giá trị của thông số đó thấp dưới mức đã xác định trong kế hoạch sức khỏe, phải thông báo ngay cho thú y và rà soát lại kế hoạch sức khỏe để can thiệp kịp thời nhằm khắc phục vấn đề.

H 5: Quản lý việc nhập heo vào đàn

- a. Khi nhập heo từ nơi khác vào đàn nhằm thay đàn, heo đó cần phải qua giai đoạn cách ly kiểm dịch và/hoặc có biện pháp kiểm tra xử lý trước khi cho nhập đàn.
- b. Heo được nhập vào để thay đàn cần có chứng nhận âm tính với các bệnh Hội chứng Sinh Sản Hô Hấp trên Heo (PRRS), Sẩy thai (brucellosis), Giả dại (pseudo-rabies), và những bệnh trong danh sách qui định kiểm dịch do cơ quan thú y quốc gia qui định.

H 6: Chăm sóc cho heo bị thương, bị bệnh

- a. Phải trang bị các biện pháp cần thiết để cách ly và chăm sóc cho heo bệnh hay bị thương. Bất cứ heo nào có dấu hiệu bị thương, ốm yếu hay bất ổn phải được:
 1. Tách riêng; và
 2. Điều trị không chậm trễ (khi cần phải có can thiệp của thú y); hoặc
 3. Nếu buộc phải trợ tử, thì các biện pháp nhân đạo phải theo đúng hướng dẫn của ban ngành chức năng quốc gia/khu vực hoặc có thể tham khảo qui định từ Hiệp hội các nhà Chăn Nuôi heo Hoa Kỳ và Hội đồng Quốc gia của các nhà Chăn nuôi Heo.
- b. Nước tiểu và phân thu từ chuồng cách ly heo bị bệnh hoặc chấn thương phải tách riêng khi hủy bỏ nhằm giảm thiểu lây lan đến đàn khác.
- c. Chuồng cách ly phải trang bị các nguyên vật liệu xây dựng sao cho dễ dàng tiêu độc sát trùng một cách hiệu quả và heo chết có thể được mang đi tiêu hủy trong thùng có nắp đậy kín.

H 7: Kiểm soát ký sinh trùng

Phải áp dụng tất cả các biện pháp cụ thể nhằm phòng ngừa và kiểm soát việc vấy nhiễm nội và ngoại ký sinh trùng.

H 8: Chăm sóc chân móng

- a. Phải lưu ý kỹ tình trạng chân móng, phải thường xuyên kiểm tra quan sát nhằm phát hiện dấu hiệu bất thường của việc mòn móng, móng phát triển quá mức hay nhiễm trùng.
- b. Trong kế hoạch chăm sóc sức khỏe phải bao gồm kế hoạch biện pháp áp dụng khi xuất hiện tình trạng viêm chân móng hay các rắc rối chân móng khác.

H 9: Các thay đổi cơ thể học của heo

- a. Những qui trình chăn nuôi mà có thể tiềm ẩn nguy cơ gây thương tích cho heo nhưng có thể được thực hiện theo qui định trong bảng Tiêu Chuẩn này (ngoại trừ những can thiệp nhằm mục đích điều trị do thú y chỉ định):

Việc loại bỏ đầu nhọn trên răng nanh của heo mới đẻ không được thực hiện như là 1 qui trình chăn nuôi. Nếu yêu cầu được thực hiện việc này, người chăn nuôi phải được chấp thuận của tổ chức cấp giấy phép, những lý do có liên quan đến phúc lợi cho heo phải được viết ra văn bản, gửi cho tổ chức cấp giấy chứng nhận, chuyên viên của tổ chức sẽ xem xét yêu cầu, và nếu cần thiết sẽ đến kiểm tra thực tế tại cơ sở chăn nuôi. Trong văn bản đề nghị phải bao gồm số liệu và thông tin như:

Số trường hợp xuất hiện vết sẹo trên mặt heo

Số trường hợp xuất hiện tổn thương bầu vú heo mẹ

Số heo bị ảnh hưởng.

1. Nếu yêu cầu được chấp thuận thì phần đầu nhọn của răng nanh heo con chỉ được loại bỏ trong vòng 4 giờ đầu tiên sau khi được sinh ra. Đối với heo con nhỏ hoặc yếu, việc này có thể được tiến hành trong vòng 3 ngày sau khi sinh. Thủ thuật này phải được thực hiện sao cho bề mặt răng nanh heo con sau khi mất phần đầu nhọn được phẳng và liền lạc.
 - a) Gọt phần nhọn của răng phải được thực hiện bởi công nhân lành nghề.
 - b) Phần bị mài mất phải chỉ chiếm dưới 1/3 chiều cao răng bị mài.
 - c) Sau khi mài, bề mặt răng nanh heo con sau khi mất phần đầu nhọn phải phẳng và liền lạc.
 - d) Để loại bỏ phần đầu nhọn của răng nanh, biện pháp mài được ưu tiên sử dụng thay vì cắt, lý do là mài sẽ không làm bề răng hoặc làm mất răng quá mức.
2. Phương pháp đánh dấu bằng cách cắt rìa tai là không được chấp nhận. Đeo thẻ tai hay xăm số trên thân là được áp dụng để đánh dấu nhận dạng heo.
3. Cắt đuôi heo là không được chấp nhận ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ, ngay cả khi xảy ra các tình trạng đó, độ dài đoạn đuôi bị cắt phải ngắn nhất có thể. Đối với trường hợp tình trạng cắn đuôi nhau trên heo vẫn tồn tại, các biện pháp khác phải được áp dụng nhằm giảm thiểu việc cắn đuôi như cung cấp thêm vào chuồng cho heo những nguyên vật liệu giúp tăng sự phong phú trong môi trường, khiến heo chuyển sự chú ý ra khỏi hoạt động cắn đuôi nhau, hoặc giảm mật độ heo nuôi. Nếu thú y có chỉ định nên cắt đuôi heo, thì việc thực hiện cắt đuôi này vẫn phải được thông báo và được chấp nhận bởi tổ chức cấp giấy chứng nhận. Phương pháp cắt và tuổi lúc cắt đuôi heo cũng như các lý do để thực hiện việc cắt đuôi sẽ được đánh giá lại. Sau khi đánh giá, tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC sẽ thông báo quyết định của mình đến chủ cơ sở chăn nuôi.
4. Thực hành thiến heo được chấp nhận nhưng phải thực hiện trước khi heo đạt 7 ngày tuổi. Nếu vì lý do thú y mà heo cần bị thiến, thì các biện pháp gây tê và giảm đau sau thiến phải được áp dụng. Tất cả dụng cụ thiết bị dùng trong quá trình thiến phải được tiêu độc sát trùng.

Số liệu từ nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng là heo con thể hiện một số hành vi gây ra do bị đau trong và sau khi thiến. Tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC đã tìm hiểu kỹ một số thí nghiệm nhằm thử giảm đau cho heo khi thiến như tiêm chất gây tê vào bầu chứa tinh hoàn, nhưng sau đó con đau và sự khó chịu vẫn tiếp tục kéo dài đến 24 giờ. Từ đó, sau khi xem xét cẩn thận các tài liệu và dữ liệu có sẵn, chúng tôi nhận thấy rằng quy trình này chưa sẵn sàng để triển khai thực tế tại trang trại. Kỹ thuật thiến miễn dịch và áp dụng các phác đồ giảm đau hiện đang được nghiên cứu và kết quả thí nghiệm cho thấy rất hứa hẹn. Chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét các nghiên cứu này và sẽ sửa đổi bổ sung tiêu chuẩn khi xác định được phương pháp thật sự mang lại lợi ích tích cực cho phúc lợi của heo. Ở một số quốc gia, người chăn nuôi hoàn toàn không thiến heo và heo đưa ra thị trường trước khi đến tuổi dậy thì, thường là trước năm tháng tuổi.

5. Việc gọt răng nanh của heo nọc có thể thực hiện nhưng phải dưới sự hiện diện của thú y, hoặc kỹ thuật viên đã qua huấn luyện và thành thạo, và chỉ được thực hiện sau khi áp dụng các biện pháp an toàn để phòng tránh tai nạn cho người và vật nuôi khác.
6. Xỏ và đeo vòng vào mũi heo không được chấp nhận.
- b. Tất cả những thủ thuật nêu trên chỉ được triển khai thực hiện bởi thú y hoặc kỹ thuật viên được huấn luyện rèn nghề nhằm giảm thiểu tối đa sự đau đớn cho heo.

B. Heo bị thương tích

H 10: Trợ tử

- a. Mỗi trại phải trang bị trang thiết bị để khi cần thì thực hiện việc giết nhân đạo hay trợ tử heo bị thương tích một cách kịp thời không trì hoãn, việc thực hiện phải do kỹ thuật viên trong danh sách của trại, người đã qua huấn luyện và thành thạo, hoặc do thú y có chứng nhận hành nghề. Quy trình trợ tử được chấp nhận và hướng dẫn cách trợ tử heo do Hội đồng Quốc gia Thịt Heo ban hành; quy trình này cần phải dán rõ ràng tại mỗi nhà trại.
- b. Nếu có bất kỳ nghi ngờ về chọn lựa cách xử lý heo thương tích, bác sĩ thú y phải được gọi ngay từ giai đoạn đầu để tư vấn tình trạng heo, xem có thể điều trị được hoặc phải giết mổ nhân đạo để ngăn ngừa đau đớn. Nếu heo bị đau dữ dội không thể kiểm soát được, thì quyết định trợ tử hay giết nhân đạo phải được thực hiện ngay.

H 11: Loại bỏ heo chết

- a. Loại bỏ xác ngoài cơ sở chăn nuôi:
 1. Việc loại bỏ xác heo chết bên ngoài cơ sở chăn nuôi phải ở đúng nơi chỉ định và cách thức theo hướng dẫn của Bộ Nông Nghiệp Mỹ hoặc của quốc gia liên quan.
 2. Phải lập báo cáo ghi nhận về nơi xác heo được chuyển đến và tiêu hủy.
- b. Loại bỏ xác ngay tại trại: Nếu chôn hay ủ làm phân hoại quày thịt heo chết đều phải tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường của địa phương hay quốc gia

H 12: Sửa đổi gen

- a. Việc sửa đổi gen của lợn và con cái của chúng, bao gồm tất cả các hình thức chỉnh sửa gen và sửa đổi gen, bị cấm.
- b. Việc nhân bản bị cấm.

CHƯƠNG 6: VẬN CHUYỂN

Mục tiêu: Hệ thống vận chuyển heo phải được thiết kế và quản lý để đảm bảo heo không phải chịu đựng đau đớn hoặc bất ổn không cần thiết. Phải giảm tối đa đến mức thấp nhất việc phải lừa đẩy hoặc bốc dỡ vận chuyển heo. Người tham gia vận chuyển phải được đào tạo kỹ lưỡng và có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu.

A. Chuẩn bị cho việc vận chuyển

T1: Thức ăn và nước uống

- Heo phải được cho nước uống đầy đủ cho đến lúc vận chuyển.
- Cho heo nhịn ăn trước khi di chuyển nhằm giảm thiểu khó chịu khiến heo bị ói là biện pháp được khuyến áp dụng.
- Ít nhất 4 giờ trước khi đưa lên phương tiện vận chuyển không nên cho heo ăn, nhưng tình trạng không cho ăn này chỉ được kéo dài không quá 18 tiếng trước khi giết mổ.

Người chịu trách nhiệm vận chuyển heo, ngoại trừ chủ cơ sở và kỹ thuật viên chăn nuôi, ví dụ tài xế phương tiện vận chuyển động vật, nên hoàn thành một số hình thức đào tạo về phúc lợi và chăm sóc vật nuôi, ví dụ như các yêu cầu cho lái xe vận chuyển động vật sống do các ban ngành chức năng ban hành; hoặc có thể tham khảo qui định trong Chương trình Đảm bảo Chất lượng Người Lái xe Tài của Ủy ban thị Heo Quốc gia.

T2: Heo bệnh hoặc bị thương

Không được vận chuyển heo đang bị bệnh hoặc bị thương trừ khi đưa đến thú y hoặc đến nơi gần nhất có sẵn để giết mổ nhân đạo, và chỉ khi heo nói trên có thể trạng phù hợp để trải qua việc bốc dỡ và di chuyển.

T3: Huấn luyện

Người thực hiện việc bốc dỡ vận chuyển động vật phải được đào tạo để:

- hiểu các yếu tố nguy cơ gây căng thẳng mà heo có thể phải chịu
- hiểu cách heo phản ứng đối với những heo khác.
- hiểu cách heo phản ứng với người
- hiểu cách heo phản ứng với tiếng động, cảnh vật, âm thanh và mùi lạ

T4: Tập tính hành vi heo

Heo có thể hiện các đặc điểm hành vi mà người vận chuyển cần lưu ý trong quá trình di chuyển chúng:

- heo có thể nhìn tốt quanh chúng nhưng không nhìn rõ ở khoảng cách xa, nhất là với một số giống heo, hai tai của chúng cũng góp phần làm cản trở tầm nhìn.
- không như một số loài vật nuôi khác, heo ít đi theo đàn
- heo có khả năng phát hiện mùi rất tốt
- heo có khả năng nghe tiếng động tốt.

Lừa dẫn/bốc/dỡ

T5: Sử dụng các tấm ván để lừa heo

Các tấm chắn dùng lừa dẫn heo phải sẵn sàng trong quá trình lừa dẫn heo và có thể được dùng như công cụ hỗ trợ việc lừa dẫn khi cần thiết.

T6: Sự hiện diện và sử dụng tất cả các thiết bị dưới dạng roi điện bị cấm tuyệt đối.

T7: Chuẩn bị khu vực khi lừa dẫn heo

Heo không được di chuyển hoặc bốc lên phương tiện vận chuyển trừ khi khu vực phía trước nơi heo sẽ được lừa dẫn đến phải thật trống trải và đủ rộng để chúng di chuyển vào.

T8: Thang dẫn dùng để lừa heo lên xuống phương tiện vận chuyển

Nếu dùng thang dẫn để hỗ trợ lừa dẫn bốc dỡ heo lên xuống, góc của dốc lên hay xuống của thang không được quá 20% (11.3 độ dốc).

T9: Heo bị trơn trượt/ té

Thang lên xuống và tấm chắn sau đuôi phải trang bị sao cho có thể phòng ngừa việc heo bị té xuống hoặc bị trơn trượt. Phủ chất đệm chuồng hoặc rơm lên bề mặt của thang dẫn hoặc tấm chắn có thể giúp phòng ngừa heo bị trơn trượt.

T10: Khoảng cách di chuyển

Từ trại chăn nuôi đến nơi giết mổ phải có cự ly ngắn nhất.

T11: Thời gian vận chuyển

Nhằm giảm thời gian vận chuyển và chờ trong khu tồn trữ cho heo, thời điểm vận chuyển phải được cơ sở giết mổ, công ty vận chuyển và chủ cơ sở chăn nuôi heo lên kế hoạch cụ thể.

- a. Ngay khi đến cơ sở giết mổ hay trại chăn nuôi, heo phải được cho bốc dỡ xuống ngay lập tức.
- b. Vận chuyển bằng tàu biển bị cấm.
- c. Thời gian vận chuyển heo không được kéo dài quá 8 giờ.

Ghi chú: Nếu thời gian heo di chuyển từ trại chăn nuôi đến cơ sở giết mổ (đã được kiểm tra và chấp thuận theo tiêu chuẩn của tổ chức cấp giấy chứng nhận) trong vòng 8 tiếng nhưng cơ sở này vẫn chưa sẵn sàng tiếp nhận heo thì tổ chức cấp giấy chứng nhận sẽ cân nhắc xem như cơ sở vi phạm tiêu chuẩn đề ra.

CHƯƠNG 7: GIẾT MỔ

A: Quy trình giết mổ

S 1: Giảm thiểu việc phải lừa dẫn heo trước khi giết mổ

Những hoạt động lừa đuổi heo trước khi giết phải được giảm đến mức tối thiểu.

S 2: Kỹ thuật viên đã qua huấn luyện

Nhân sự làm việc tại cơ sở giết mổ phải được huấn luyện kỹ lưỡng và có năng lực để thực hiện trách nhiệm của mình.

S.3: Các yêu cầu trong giết mổ

Toàn bộ hệ thống giết mổ phải được thiết kế và quản lý nhằm đảm bảo heo bị giết mổ không phải trải qua những bất ổn và đau đớn không đáng có. Chủ cơ sở chăn nuôi/nhà sản xuất phải chọn và dùng những cơ sở chế biến tuân thủ các hướng dẫn giết mổ và chế biến heo do ban ngành chức năng của quốc gia hay khu vực qui định, hoặc tham khảo qui định của Viện Thịt Bắc Mỹ (North American Meat Institute-NAMI) soạn thảo. Những cơ sở chế biến giết mổ này sẽ được kiểm định bởi thanh tra của tổ chức cấp giấy chứng nhận HFAC.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hành vi Động vật và Thiết kế Hệ thống Động vật Trang trại và Gia Cầm (Animal Behavior and the Design of Livestock and Poultry Systems). Proceedings from the Animal Behavior and the Design of Livestock and Poultry Systems International Conference, Indianapolis, IN. Pub. NRAES (Northeast Regional Agric. Eng. Service) April 1995.
- Chăm sóc Vật nuôi: Thực hành Chăn nuôi Heo (Animal Care Series: Swine Care Practices). California Pork Industry Group, ĐH of California Cooperative Extension. June 1996.
- Phản ứng của heo con khi bị thiến: tác động của tuổi heo (Behavioral responses to piglets to castration: The effect of piglet age), Taylor, AA, Weary DM, 2001 Applied Animal Behavior Science, 73, 25-43
- Thiến heo con: hiệu quả của việc chích thuốc gây tê lidocaine vào da bầu dịch hoàn và giữa túi chứa ống dẫn tinh (Castration of piglets: the analgesic effects of intratesticular and intrafunicular lidocaine injection). Haga, H.A. and Ranheim, B. 2005. Veterinary Anaesthesia and Analgesia. 32:1-9.
- Hướng dẫn chăm sóc và sử dụng động vật trang trại trong Nghiên cứu và Giảng dạy Nông nghiệp (Guide for the Care and Use of Agricultural Animals in Agricultural Research and Teaching). 1st Revised Edition. Federation of Animal Science Societies, Savoy, IL. January 1999
- Hướng dẫn Chăm sóc và Sử dụng Động vật trong Sản xuất Nông nghiệp (Guidelines For The Care And Use Of Animals In Production Agriculture). Nebraska Food Animal Care Coalition.
- Hướng dẫn Đối xử với Vật nuôi (Livestock Handling Guide). Livestock Conservation Institute. 1988
- Gây tê cục bộ trên heo chuẩn bị thiến (Local anaesthesia for pigs subject to castration). Ranheim, B. and Haga, H.A. 2006. Acta Veterinaria Scandinavica. 48 (Suppl 1): S13
- Trợ tử heo tại trại – Một số chọn lựa (On Farm Euthanasia of Swine – Options for the Producer). American Association of Swine Practitioners and National Pork Producers Council. 1997.
- Nhu cầu Dinh dưỡng cho Heo (Nutrient Requirements for Swine). National Research Council Publication. 1998 10th ed. National Academy Press, Washington, DC.
- Lợi nhuận thịt heo: Một số chiến lược cho nhà chăn nuôi heo (Profitable Pork: Strategies for Hog Producers). Sustainable Agriculture Network: The National Outreach Arm of USDA-SARE. October 2001.
- RSPCA Tiêu chuẩn Phúc lợi cho Heo (RSPCA Welfare Standards for Pigs). RSPCA West Sussex, United Kingdom. October 2005.
- RSPCA Kế Hoạch Thú Y: Ghi chú hướng dẫn trên Heo (RSPCA Veterinary Health Plan: Pig Guidance notes). RSPCA West Sussex, United Kingdom. June 2000.
- Sổ tay Trang thiết bị chuồng trại Heo (Swine Housing Equipment Handbook), 4th Ed. Midwest Planning Service Pub. (MWPS-8). Iowa State ĐH Press, Ames, IA. 1991.

Sách về Heo: Một số Thay thế cho Nhà Chăn Nuôi (Swine Source Book: Alternatives for Pork Producers). Alternative Swine Production Systems Program; joint program of Dept. of Animal Science and Minnesota Institute for Sustainable Agriculture at the ĐH of Minnesota. Pub #PC-7289-S. 1999.

Chương trình Đảm bảo Chất Lượng Tài xế vận hành xe tải (Trucker Quality Assurance Program). National Pork Board, Des Moines, IA. www.pork.org

Phản ứng la hét của heo con khi bị thiến: xác định âm thanh phát ra theo trình tự của sự đau đớn (Vocal responses to piglets to castration: identifying procedural sounds of pain), Taylor, AA, Weary DM, 2000 *Applied Animal Behavior Science*, 70, 17-26



Chăn Nuôi theo Tiêu Chí Nhân Đạo
Tiêu Chuẩn Chăn Nuôi
Tháng Giêng 2018

Bản Quyền 2018 của tổ chức
Chăn Nuôi Nhân Đạo Động Vật Trang Trại
PO Box 82, Middleburg, VA 20118
www.certifiedhumane.org